TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2018
"V/v xin ly hôn**"**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thạnh

Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2018 về xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N; trú tại: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi N; trú tại: Nhà số 10024, tỉnh A, Canada; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đề ngày 30/8/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi N bắt đầu quen biết và tìm hiểu nhau vào tháng 3/2010 thông qua người thân của chị N ở tại Canada giới thiệu. Sau một thời gian liên lạc và tìm hiểu anh N và chị N quyết định đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được khoảng ba tuần thì anh N trở về Canada. Thời gian đầu hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, anh N có làm thủ tục bảo lãnh cho

chị N sang Canada để đoàn tụ. Chị N có đi phỏng vấn nhưng sau đó hồ sơ đoàn tụ vợ chồng của anh N chị N không được chấp nhận. Từ đó, hai vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, mỗi lần liên lạc giữa anh N và chị N đều phát sinh mâu thuẫn, cải vã nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 6/2015 đến nay ,hai vợ chồng không còn thường xuyên liên lạc với nhau nữa. Đến nay, chị N nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N đã hết, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn đối với anh Bùi N để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu anh trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị N xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà chị N đề nghị Tòa án sao gửi cho anh N. Vào ngày 14/3/2018, Tòa án nhận được thư trả lời đề tên N Bùi và Đơn đồng ý ly hôn của anh Bùi N.

Ngày 30/5/2018 chị N nhận được thư trả lời của anh N gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, thư được đánh máy bằng Tiếng Anh, có chữ ký của anh Bùi N, Thư có nội dung: Anh (Bùi N) đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, công văn yêu cầu cung cấp lời khai, thông báo về phiên họp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ do Tòa án gửi cho anh. Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị N; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc không về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh đề nghị Tòa án cho anh vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa anh và chị N. Anh cam đoan những gì anh viết trong thư là đúng sự thật và anh không có bất cứ khiếu nại gì đối với các quyết định của Tòa án. Thư của anh N đã được ông Kesh Mani là Ủy viên chứng thực tuyên thệ tại Tư pháp tỉnh Alberta, Canada ký xác nhận vào ngày 10/5/2018.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; xét bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Bùi N.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Bùi N và chị Nguyễn Thị N kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/5/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau nên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm bị rạn nứt. Anh N cũng đã làm thủ tục bảo lãnh cho chị N sang Canada để đoàn tụ nhưng không được chấp nhận. Do cả hai sống xa nhau, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Xét thấy, hiện nay chị N và anh N mỗi người sống một nơi, khả năng vợ chồng hàn gắn tình cảm và đoàn tụ là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh N cũng đã hồi đáp thư cho Tòa án về việc đồng ý ly hôn và xin vắng mặt tại phiên tòa. Thư của anh N đã được Công chứng viên tại Tư pháp tỉnh Alberta, Canada ký xác nhận vào ngày 10/5/2018. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi N đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Bùi N.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Bùi N xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 005352 ngày 16/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS;HCTP.

Nguyễn Thị Kim Trọng